

VIỆT NAM THỜI MẠC

CUỘC CHIẾN KHÔNG KHOAN NHƯỢNG GIỮA HAI TẬP ĐOÀN PHONG KIẾN LÊ - TRỊNH VÀ MẠC

NGUYỄN DANH PHIẾT*

Sự xuất hiện của vương triều Mạc vào năm 1527 chưa đem lại sự yên bình cho đất nước. Trung tâm biến động mới xuất hiện từ Sầm Châu, nước Ai Lao với vai trò của An Thành hầu Nguyễn Kim thuộc dòng dõi Nguyễn Công Duẩn - khai quốc công thần nhà Lê (1).

Sau 4 năm tập hợp lực lượng ở Sầm Châu, từ năm 1529 đến năm 1533, Nguyễn Kim tìm đón được hoàng tử Duy Ninh (2), lập làm vua tức Lê Trang Tông, đặt niên hiệu Nguyên Hoà. Năm 1540 Nguyễn Kim đem quân từ Ai Lao về đánh giữ Thanh Hoá, Nghệ An; Năm 1542 chiếm lại được Tây đô. Chiến tranh Trịnh - Mạc bắt đầu bùng nổ. Đất nước lâm vào tình trạng "một nước hai vua".

Về cuộc nội chiến này sử chép là chiến tranh Nam - Bắc triều. Bắc triều là nhà Mạc với địa bàn từ Ninh Bình ra Bắc, Nam triều là nhà Lê từ Thanh Hoá trở vào. Tuy nhiên vùng Thuận Quảng, từ Đèo Ngang đến Thạch Bi (Phú Yên) lúc đầu nhà Mạc có đặt quan cai trị, nhưng thực tế không kiểm soát nổi.

Năm 1558 vua Lê cho Nguyễn Hoàng - con trai Nguyễn Kim, vào trấn thủ Thuận

Hoá để "phòng giặc phía Đông" (chỉ nhà Mạc). Vùng Thuận - Quảng hầu như tồn tại độc lập ngoài phạm vi ảnh hưởng của cuộc nội chiến, trở thành giang sơn riêng của chúa Nguyễn về sau.

Trong luận văn này chúng tôi đề cập đến cuộc nội chiến giữa hai tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh và Mạc, giới hạn trong phạm vi không gian từ Nghệ Tĩnh trở ra Bắc là địa bàn tranh chấp quyết liệt của hai thế lực thù địch.

CHÍNH THỐNG VÀ PHI CHÍNH THỐNG

Đã trở thành nếp hằn sâu trong suy nghĩ của hậu thế: nhà Lê Trung hưng là chính thống, nhà Mạc là nguy triều, phi chính thống theo quan điểm của các sử gia phong kiến, tiêu biểu là các tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Việt sử thông giám cương mục*. Về vấn đề này, từ lâu và đặc biệt trong vòng vài chục năm lại đây đã từng có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến, khẳng định sự cống hiến của vương triều Mạc đối với lịch sử dân tộc, qua đó nhìn nhận tính chính thống của vương triều này (3). Điều đó hoàn toàn đúng, thể hiện tinh thần khách quan khoa học của người làm công tác sử học ngày

* PGS. TS. Viện Sử học.

nay. Từ việc khẳng định tính chính thống của vương triều Mạc tất nhiên sẽ dẫn đến tính chính nghĩa và phi nghĩa của mỗi bên tham chiến. Hẳn rằng trong con mắt của người đương thời, vào buổi loạn lạc cuối thời Lê sơ, trước tình trạng chính trị bê bối, vua Lê hèn kém suy đồi nên "Lòng mọi người hướng về Mạc Đăng Dung" (4), hoặc khi Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai về kinh đô ép Cung Hoàng nhường ngôi thì "Bấy giờ thần dân trong kinh đều theo Mạc Đăng Dung và đều đón Đăng Dung vào kinh" (5). Không chỉ người dân thường mà đội ngũ trí thức Nho sĩ - tinh hoa của xã hội bấy giờ, nhiều người hướng về nhà Mạc.

Không ít các bậc đại khoa từng đỗ đạt, làm quan thời nhà Lê theo về phục vụ vương triều Mạc. Điều này thể hiện trước hết ở 10 vị tiến sĩ được Mạc Đăng Dung phong tước phẩm ngay sau khi lên ngôi. Đó là: Khuất Quỳnh Cửu, Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1449) đời Lê Hiến Tông; Trần Phỉ, Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) đời Lê Uy Mục; Nguyễn Dịch, Nguyễn Tuệ, Tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511) đời Lê Tương Dực; Phạm Chính Nghị, Hà Cảnh Đạo, Nguyễn Chuyên Mỹ, Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1514) đời Lê Tương Dực; Nguyễn Độ, Tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518) đời Lê Hiến Tông; Lê Quang Bí, Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1526) đời Hoàng đế Xuân (6). Ta biết thêm còn có các ông hoàng giáp Vũ Cán, Tiến sĩ Nguyễn Mậu, Thám hoa Nguyễn Thái khoa Nhâm Tuất (1502) đời Hiến Tông; trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh, Bảng nhãn Hứa Tam Tĩnh đều khoa Mậu Thìn (1508) đời Uy Mục; Tiến sĩ Đào Nghiễm khoa Quý Mùi (1523) đời Hoàng đế Xuân, từng làm quan nhà Lê, sau theo nhà Mạc đều làm đến thượng thư, được phong các tước công, hầu, bá (7).

Để thấy rõ thêm thái độ của tầng lớp nho sĩ lúc này còn phải kể đến Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585). Ông sinh ra và lớn lên dưới thời Lê, nổi tiếng là người học giỏi, thông kinh Dịch, gặp buổi nhà Lê suy đồi ông không dự thi. Cho đến năm 1535 đã 44 tuổi, ông dự khoa Ất Mùi, đỗ Trạng nguyên, làm quan trải ba triều Mạc Đăng Doanh, Mạc Phúc Hải, Mạc Phúc Nguyên, rồi làm đến Thượng thư, hàm Thái phó, tước Trình Xuyên hầu.

Tất nhiên bên cạnh các nho sĩ theo nhà Mạc, cũng có nhiều người trung thành với nhà Lê. Có thể kể đến Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) Lê Tuấn Mậu, Thượng thư bộ Lễ từng ném đá vào Mạc Đăng Dung khi Đăng Dung ép Cung Hoàng về kinh đô; Đàm Thận Huy, Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490), Nguyễn Tự Cường, Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1514), Nguyễn Duy Tường, Tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511) nổi quân chống Đăng Dung thất bại, đều tự tử; Tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518) Lại Kim Bảng bị Đăng Dung cưỡng ép gọi về, khi qua sông Nhị ông khăn áo chỉnh tề bái vọng về Lam Kinh rồi nhảy xuống sông tự tử; Tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511) Lê Vô Cương bị bắt, không chịu khuất phục, bị Mạc Đăng Dung giết chết (8). Các trường hợp này đều xảy ra trước khi Mạc Đăng Dung lên ngôi. Sau đó vào năm 1533 khi Lê Trang Tông lên ngôi, bàn luận về người có công tôn phò giúp rập, trong đó có Nguyễn Kim, Đinh Công và một số tướng tá, không thấy sử chép có mặt nho sĩ (9). Ta còn biết thêm các trường hợp Trương Phu Duyệt, Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) đời Lê Uy Mục không chịu viết chiếu nhường ngôi bị bãi về làng, Thiều Quy Linh cũng Tiến sĩ khoa Ất Sửu chửi Mạc Đăng Dung hết lời, về đến cầu Lung Nhĩ nhảy xuống sông tự tử; ngoài ra còn có hàng chục tiến sĩ khác từ quan không chịu hợp tác với nhà Mạc (10).

Thái độ của thần dân và nho sĩ lúc đầu đối với nhà Lê và nhà Mạc ra sao các sử gia phong kiến dù có ưu ái nhà Lê, không ưa nhà Mạc cũng phải chép sự thực như đã dẫn. Đó là lòng người, trong đó có nhiều người thuộc tầng lớp đại Nho ủng hộ vương triều Mạc. Chắc hẳn các bậc đại khoa - những người thấm nhuần sâu sắc đạo Nho với chữ trung đứng hàng đầu, trước thời thế đã lựa chọn con đường đi phải đạo. Họ đã từ bỏ nhà Lê suy đồi, phục vụ vương triều mới với hy vọng cống hiến được cho dân cho nước. Trong cách nhìn nhận của họ, vương triều Mạc là chính nghĩa. Đó cũng là nhìn nhận phổ biến của chúng ta khi bác bỏ quan niệm nhà Mạc là Ngụy triều, khẳng định tính chính thống của vương triều Mạc.

CUỘC CHIẾN KHÔNG KHOAN NHƯỢNG

Một nước có hai vua: vua Mạc ở Thăng Long từ cuối năm 1527, vua Lê khởi phát từ Sầm Châu, Ai Lao vào năm 1533. Vua Mạc với tư thế đứng đầu một đất nước độc lập tự chủ; vua Lê với tư thế một tập đoàn lưu vong dựa vào thế lực họ Nguyễn - Nguyễn Kim, tiếp đến họ Trịnh - Trịnh Kiểm.

Năm Bính Thân (1536) Lê Trang Tông sai người sang nhà Minh tố cáo Mạc Đăng Dung cướp ngôi và thỉnh cầu nhà Minh xuất quân đánh Mạc.

Cuối năm Tân Sửu (1541), Nguyễn Kim từ Sầm Châu dẫn quân về đóng ở Lôi Dương, bị tướng Mạc đánh tan. Đầu năm Nhâm Dần (1542) Lê Trang Tông cầm quân đi tuần hành Thanh Hoá, Nghệ An cùng Nguyễn Kim đi đánh chiếm trước. Năm sau (1543) Lê Trang Tông chiếm được Tây Đô. Hoạn quan Dương Chấp Nhất đầu hàng (11). Từ đây tập đoàn Lê - Trịnh chiếm được địa bàn Thanh Hoá, Nghệ An làm bàn đạp tấn công đất Mạc. Ngược lại nhiều lần nhà Mạc đem quân vào bình

định vùng Thanh - Nghệ. Theo biên niên sử, trong khoảng 40 lần giao tranh lớn nhỏ, có 8 trận đánh lớn diễn ra như sau (12):

- Năm Tân Hợi (1551) Trịnh Kiểm sai Lê Bá Ly cùng Vũ Văn Mật tiến quân sát kinh đô, Mạc Phúc Hải chạy về Kim Thành (Hải Dương).

- Năm Ất Mão (1555) Mạc Kính Điển đem quân thuỷ bộ với hơn 100 thuyền chiến tấn công từ cửa biển Thần Phù vào sông Đại Lại (sông Lèn), chiếm giữ Kim Sơn (Hà Trung Thanh Hoá). Trịnh Kiểm đem đại quân phục kích, "quân thuỷ, quân bộ của giặc (chỉ quân Mạc) không đánh đã tan vỡ. Bắt được tướng giặc là quận Thọ vài mươi người. Giặc bị sa xuống nước mà chết nghẹn cả sông.... Vài vạn quân giặc chết gần hết". Kính Điển thu lượm tàn quân chạy trốn.

- Năm Đinh Ty (1557), Kính Điển đem quân vào đánh chiếm vùng Thần Phù Nga Sơn, Tống Sơn (Hà Trung ngày nay). Trịnh Kiểm huy động quân thuỷ bộ và voi chiến đánh úp phía sau, tấn công phía trước. Quân Mạc đại bại. Kính Điển phải nhảy xuống sông trốn thoát.

- Kỷ Mùi (1559) - Canh Thân (1560), Trịnh Kiểm đem 6 vạn quân (phao lên là 12 vạn) tiến ra vùng Sơn Tây, phối hợp với quân Hưng Hoá, Tuyên Quang đánh chiếm Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc, Khoái Châu, Hồng Châu, Nam Sách, Đông Triều, Chí Linh, An Dương... Quân Trịnh như đi vào chỗ không người. Mạc Phúc Nguyên phải dời đi Thanh Đàm. Năm sau quân Mạc một mặt chống nhau với quân Trịnh ở Kinh Bắc, một mặt Mạc Kính Điển đem quân vào tấn công Thanh Hoá, Trịnh Kiểm phải cho rút quân về giữ An Trường.

- Năm Canh Ngọ (1570), Mạc Kính Điển đem 10 vạn quân, 700 chiến thuyền vào

cửa biển Linh Tràng, Chi Long, Hội Triều (Hậu Lộc, Hoàng Hoá, Thanh Hoá) “Kính Điển chính mình thống suất quân sĩ các đạo, tiến đến Ứng Quan ở sông Mã và Bồng Luật ở sông Lam; Khói lửa lan man không ngớt. Nhân dân Thanh Hoá dắt díu nhau chạy loạn, kêu khóc đầy đường. Tiên của, gia súc và phụ nữ đều sa vào tay giặc (.....). Đa Châu và Tầm Châu ở phía tả sông luôn với các đầu nguồn huyện Lôi Dương và huyện Nông Cống ở phía hữu sông đều là chiến trường cả” (13). Trong trận này Trịnh Cối phải đầu hàng quân Mạc. Lê Anh Tông tự làm tướng cùng Trịnh Tùng đánh đuổi, Kính Điển phải lui quân.

- Năm Tân Tỵ (1581), Ứng vương Mạc Đôn Nhượng đem quân vào Thanh Hoá đánh xứ Đường Nang (huyện Quảng Xương), bị Hoàng Đình Ái đánh bại, chém được hơn 600 thủ cấp. Đây là trận cuối cùng quân Mạc tấn công đất Trịnh. Sử chép: “Từ đó uy thế quan quân rất lừng lẫy, quân Mạc không dám ngấp nghé nom dòm. Cư dân Thanh Nghệ mới được yên nghiệp làm ăn một chút” (14).

- Cuối năm Tân Mão (1591), đầu năm Nhâm Thìn (1592), Trịnh Tùng đem 6 vạn quân tuần hành vùng Sơn Tây. Mạc huy động binh mã bốn trấn, bốn vệ và năm phủ được hơn 10 vạn quân chống cự ở xã Phấn Thượng (huyện Tùng Thiện). Mạc Mậu Hợp bị thất bại, phải lui quân. Quân Trịnh đuổi “chém được hơn vạn đầu quân địch, máu chảy khắp nội, thây chất thành non”. Tháng giêng năm Nhâm Thìn quân Trịnh tấn công Thăng Long. Mạc Mậu Hợp hoảng sợ, thu nhặt tàn quân giữ sông Cái cố thủ.

- Nhâm Thìn (1592), Trịnh Tùng dẫn đại quân ra phủ Trường Yên (Ninh Bình) theo đường thủy bộ chia quân tấn công, đánh dẹp các vùng Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương. Mạc Mậu Hợp bỏ

kinh thành trốn về huyện Kim Thành, cuối cùng bị bắt ở chùa Mô Khuê (huyện Phượng Nhãn), giải về kinh đô, bị giết.

Trong 8 trận đánh lớn kể trên, có 4 lần quân Mạc chủ động tấn công địa bàn của tập đoàn Lê - Trịnh. Theo dõi diễn biến chiến sự, ta thấy được sức mạnh trên chiến trường không thuộc về vương triều Mạc. Điều khó hiểu là nhà Mạc có lợi thế địa bàn rộng, chiếm 9 lộ trong số 13 lộ, gồm toàn bộ Bắc Bộ ngày nay, đất rộng, người đông, nhưng lại chịu thất bại trong cuộc chiến một mất một còn này. Trong khi đó tập đoàn Lê - Trịnh chỉ chiếm giữ chủ yếu có 2 lộ Thanh Hoá và Nghệ An, không trừ phú gì hơn, nếu không muốn nói là nghèo khó hơn. Trong thực tế, trên chiến trường số quân huy động vào cuộc chiến ở đỉnh cao nhất nhà Mạc có đến 10 vạn trong trận tấn công năm 1570, trong khi đó quân Lê - Trịnh cao nhất cũng chỉ có 6 vạn (phao lên là 12 vạn) trong lần ra quân năm 1559. Cho đến trận quyết chiến vào cuối năm Tân Mão (1591) ở Phấn Thượng quân Lê - Trịnh cũng chỉ có 6 vạn, trong khi đó Mạc Mậu Hợp huy động được hơn 10 vạn quân. Bên cạnh đó, vương triều Mạc không phải không có tướng giỏi. Về Mạc Kính Điển sử cũng phải chép:

“Là người nhân hậu, dũng lược, thông minh, tài trí, nhạy bén, hiểu đời, từng trải nhiều gian nan nguy hiểm, cần lao, trung thành” (15).

Như vậy quân số đông, tướng giỏi chưa hẳn đã quyết định việc thành bại. Vậy thì trong trường hợp này mấu chốt của vấn đề là ở sức mạnh quân sự hay ở lòng người?

THEO VẾT XE ĐỔ VÀ SỰ THẤT BẠI KHÔNG TRÁNH KHỎI CỦA VƯƠNG TRIỀU MẠC

Như đã trình bày ở phần trên, vương triều Mạc ngay từ khi xuất hiện đã có sự

ủng hộ của nhân dân và đông đảo trí thức nhỏ sĩ cao cấp, trong đó nhiều người đã từng đỗ đạt, làm quan dưới thời Lê. Mạc Đăng Dung lên ngôi đã ban hành một số chủ trương chính sách, bàn định binh chế, điền chế, lộc chế, đặt định các vệ sở trong ngoài, các ty sở thuộc... “phỏng theo quan chế triều trước, y lệ mà biên chế bổ sung” (16). Năm sau, vào năm 1528 đúc tiền mới, mở khoa thi Hội và duy trì đều đặn 3 năm một khoa cho đến khi bị thất bại. Về xã hội, trật tự kỷ cương được lập lại tạo nên một cuộc sống yên bình. Sử chép vào năm Nhâm Thìn (1532) “người buôn bán và kẻ đi đường đều đi tay không, ban đêm không còn trộm cướp, trâu bò thả chăn không phải đem về (...), người đi đường không ngại của rơi, cổng ngoài không phải đóng, được mùa liên tiếp, trong cõi tạm yên (17).

Những thay đổi ban đầu đã mang lại sự hồi sinh cho đất nước sau 1/4 thế kỷ bê bối loạn lạc, đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Nhưng khách quan mà nói, vương triều Mạc không làm được gì mới, hầu như chỉ khôi phục lại những việc đã làm từ thời Lê sơ. Điều này cũng dễ hiểu. Mạc Đăng Dung tuy xuất thân dân chài nhưng bản thân cũng đã gia nhập đội ngũ quan lại, là võ quan cao cấp đầu triều trong bộ máy nhà nước quan liêu buổi cuối thời Lê sơ. Không chỉ nhà vua, mà cả đội ngũ quan chức tập hợp chung quanh vương triều mới cũng đều là những gương mặt cũ, được bổ sung thêm từ nguồn khoa cử mở đều đặn của tân triều. Tất cả tạo thành một tập đoàn cầm quyền mới, tiến hành quản lý đất nước theo thể chế của triều Lê sơ.

Như vậy, tập đoàn Mạc cũng như tập đoàn Lê - Trịnh tuy khác nhau về nguồn gốc nhưng lại cùng chung một ý thức hệ, lấy học thuyết Nho làm cơ sở quản lý và xây dựng đất nước theo mô hình phong

kiến phương Đông. Khôi phục lại thời hoàng kim đã qua là ý muốn chủ quan của Mạc Đăng Dung và các vua kế nghiệp. Nhưng những chủ trương chính sách và thành tựu rực rỡ ở thời Lê sơ không thể trở thành hiện thực ở thế kỷ XVI và các thế kỷ tiếp theo khi mà điều kiện xã hội và bối cảnh lịch sử đã có nhiều thay đổi. Vấn đề không phải là cai trị, quản lý chặt chẽ hay rộng rãi, ở đức độ của nhà vua, mà ở tài năng, sáng suốt của tập đoàn cầm quyền để có một cái cách, ít ra là một điều chỉnh, thay đổi các mặt. Nội chiến kéo dài là một trở ngại lớn, khách quan, khiến cho vương triều Mạc không tập trung sức lực để xây dựng đất nước. Đó là thực tế lịch sử. Tuy nhiên với bộ máy quản lý hành chính được khôi phục theo mẫu hình và chính sách của nhà nước Lê sơ vương triều Mạc cũng không có khả năng có được một cái cách mới.

Lấy việc quân điền làm ví dụ. Sử sách không chép về việc quân điền dưới thời Mạc, nhưng ta có thể hình dung được phần nào qua lời tâu của Thiếu sư Mạc Ninh Bang vào năm Quang Hoà thứ 3 (1543) đời Mạc Phúc Hải được nhà vua thực hiện: “Xã nào ngoài số ruộng đất tư, mà có *ruộng quan và ruộng chùa*, thì tùy theo số ruộng đó chiếu cấp: hạng nhất trung hiệu mỗi người 2 phần rưỡi, hạng nhất trung sĩ mỗi người 2 phần rưỡi. Xã nào tuy số ruộng nhiều đáng được 2 phần, thì 2 phần ấy cũng không được quá 2 mẫu, rồi tùy theo cấp bậc giảm dần, còn bao nhiêu ruộng sẽ *theo nhân số trong xã mà chia đồng đều* (TG nhấn mạnh) (18). Rõ ràng việc quân điền vẫn được áp dụng dưới thời Mạc, giành ưu tiên cho lực lượng võ trang. Nguồn cung cấp ngoài quan điền (ruộng công ở làng xã) còn lấy từ ruộng chùa với số ruộng không ít khi mà chùa chiền được trùng tu tôn tạo, xây cất phổ biến nhiều nơi với số ruộng được đệ tử dâng cúng. Nguồn

ruộng đất hoang hoá, ruộng đất của nguy quan như thời Lê sơ không còn nữa. Mặt khác, sự phát triển của ruộng đất tư ở các thế kỷ XV, XVI tất yếu sẽ dẫn đến thu hẹp ruộng đất công làm cho ruộng khẩu phần của người dân bị giảm sút. Trong quân điền vương triều Mạc có phân biệt theo cấp bậc trong quân lính, nhưng không có ưu tiên, phân biệt với mọi thành viên trong làng xã. Như vậy với nhà Mạc chính sách quân điền vẫn được tiếp tục, nhưng ruộng khẩu phần bị thu hẹp và không còn tác dụng tích cực từ góc độ khẩn hoang, mở rộng diện tích canh tác như thuở ban đầu của nó nữa.

Có thể đề cập thêm chính sách giáo dục khoa cử. Về mặt này không có gì mới, có chăng chỉ được thực hiện khá đều đặn 3 năm một khoa từ đầu cho đến cuối. Khoa cử mở mang là thế: 21 khoa thi Hội với 484 tiến sĩ, trong đó có 11 trạng nguyên (19), bên cạnh đó là hàng ngàn cử nhân qua các kỳ thi hương ở cấp địa phương, nhưng cũng không duy trì được vị trí độc tôn của Nho giáo. Thời độc tôn của Nho giáo đã qua, nhà Mạc dù có cố gắng cũng không vãn hồi được.

Từ hai hoạt động quan trọng trong lĩnh vực kinh tế và văn hoá xã hội như trên ta thấy rằng vương triều Mạc vẫn bám theo lối mòn, đeo đuổi một hào quang đã lùi về quá khứ để không bao giờ đạt được. Điều này đã khiến cho lòng tin ban đầu của nhân dân đối với vương triều Mạc giảm dần. Góp phần vào việc làm suy giảm niềm tin ở vương triều Mạc còn phải kể đến việc Mạc Đăng Dung nộp mình, dâng hàng và dâng đất 6 động thuộc châu Vĩnh An cho nhà Minh vào cuối năm Mậu Tuất (1538). Cho dù để tránh một cuộc tiến công xâm lược của nhà Minh do vua Lê rước về đã rập rình ở biên ải và đất dâng nộp có là đất cũ của Trung Hoa thì trong con mắt của

người dân đương thời cũng như mai sau việc đó đã làm tổn thương đến tâm lý tình cảm của dân tộc không thể chấp nhận được.

Điều quan trọng hơn, vương triều Mạc sau các đời vua Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh, Mạc Phúc Hải đến Mạc Phúc Nguyên đã bắt đầu đi theo vết xe đổ của vương triều Lê sơ. Sau khi Mạc Phúc Hải chết (1546), mâu thuẫn nội bộ bùng nổ từ việc lập ngôi kế vị. Tướng Tử Dương hầu Phạm Tử Nghi muốn lập Hoàng Chính vương - con trai thứ hai của Mạc Đăng Dung, đã lớn tuổi lại từng nhiều phen cầm quân thắng trận, lên ngôi. Nhưng tôn vương họ Mạc và các đại thần lại dựng Phúc Nguyên - con trai trưởng của Phúc Hải còn nhỏ tuổi (sinh năm 1546) lên ngôi. Tử Nghi không toại nguyện, bí mật tụ họp các tướng dưới quyền nổi loạn. Phúc Nguyên phải ban đêm qua sông chạy về miền Đông. Tử Nghi đem Chính Trung về chiếm giữ Hoa Dương (huyện Hưng Nhân, Thái Bình) xưng tôn hiệu, lập triều đình. Phúc Nguyên sai Mạc Kính Điển và Nguyễn Kính phát binh đánh dẹp, mấy trận đều thua. Tử Nghi phát hịch tuyên bố đánh thẳng vào kinh đô. Kính Điển cùng Bá Nghi họp các đạo quân đánh tan quân của Chính Trung ở Ngự Thiên (Thái Bình). Tử Nghi đem Chính Trung rút chạy, chiếm cứ vùng An Quảng, sau đó đem gia quyến hơn 100 người sang Khâm Châu sống nương nhờ đất Lương Quảng (20).

Vụ Chính Trung - Tử Nghi mới yên (1549) thì lại xảy ra vụ Thái tử Bá Ly (1551) bị gièm pha có con trai là Lê Khắc Thận trấn thủ xứ Sơn Nam mưu phản nghịch. Đang đêm nhà Bá Ly ở trại Hồng Mai bị vây. Bá Ly được cấm binh hộ vệ, đón về đóng ở Thịnh Liệt, cùng con trai ở Sơn Nam kéo về hội binh, dẫn quân chiếm giữ cửa Chu Tước. Kinh thành náo loạn, Phúc

Nguyên phải di sang Bồ Đề, sai sứ thần dụ Bá Ly bãi binh. Bá Ly không nghe, hai bên đánh nhau, quân Phúc Nguyên thua chạy. Bá Ly đòi giao nộp hai cha con Quỳnh, Dao là kẻ đã vu cáo gièm pha mình, nhưng Phúc Nguyên không chịu. Bá Ly nổi giận, mắng nhiếc Phúc Nguyên rồi từ bỏ nhà Mạc, đem 14.000 quân các đạo Tây Nam cùng bộ tướng về bái yết vua Lê ở Vạn Lại. Bá Ly được úy lạo và thăng chức Thái tử, tước Phụng Quốc công. Sau vụ Bá Ly từ bỏ đất Mạc thì “bao nhiêu mưu thân mãnh tướng đều ùa theo, kéo cả vào phương Tây” (21), tức Thanh Hoá.

Vụ Chính Trung, Bá Ly là một mốc quan trọng đánh dấu sự suy yếu của vương triều Mạc. Có thể nhận ra tình trạng rối nát của vương triều Mạc qua tấu sớ của bầy tôi trung thành dâng lên Phúc Nguyên.

Tháng 6 năm Quý Sửu (1553), Trấn thảo doanh tổng đốc Hưng quận công Nguyễn Quý Liêm dâng sớ: “... gần đây gặp lúc quốc gia có biến, tướng ngạo binh kiêu, không tuân hiệu lệnh, triều đình hững hờ chẳng chịu hỏi tra (...). Các phủ huyện lấy lính tuy đã chiếu đủ số, mà mỗi khi sai việc gì thì người nọ lừa cho người kia, cố ý lánh việc tướng quân không cấm nổi, để cho các tệ quấy nhiễu ngày càng nhiều. Đến như việc ngục tụng là trách nhiệm của hữu ty, thế mà các nha phủ, các quan trong doanh trại và các quan đô ty vệ sở đều lập nha môn xử kiện ngay trong nhà, có người kiện về việc hộ, việc giá thú điền sản và các việc khác, các viên ấy đều tự tiện nhận đơn, rồi bắt bố tra khảo, hạch sách tiền của, tự ý phân xử mà các quan hữu ty cũng không can thiệp. Thậm chí có viên đích thân đem thuyền đi bắt con gái lương dân” (22).

Trượt dài trên con đường xuống dốc, sang đời Mạc Mậu Hợp (1562-1592), tình hình càng nghiêm trọng hơn. Năm Đinh

Sửu (1577) Thượng thư bộ Lễ kiêm Đô ngự sử Giáp Trưng dâng sớ từng viết: “Hiện nay chính sự suy đồi, mà suy đồi không phải chỉ một vài điểm mà thôi”... ông viện kinh sử để nêu lên 6 điều trái lẽ: 1. Không thành kính thờ cúng tôn miếu; 2. Cận thần chỉ toàn nịnh nọt, bày vẽ chơi bời để thoả chí nhà vua, tự do ra vào cung điện; 3. Các quan trên dưới, người không ham lợi chỉ 2 - 3 phần 10, còn lại đều chăm chăm vì lợi, quan tước nhùng lậm, ruộng đất bị chiếm, phiên trấn trưng cầu, buôn quan bán tước không việc gì không làm; 4. Các quan trong ngoài người ngay thẳng chỉ độ 1, 2 phần 10, ngoài ra là hạng tà tâm quắt quéo (...), quan lại thẳng bỏ các cấp, việc từ tụng lớn nhỏ, thảy đều đòi hối lộ, không còn cách nào là không dùng; 5. Công việc riêng tư sách nhiễu dân phu, làm cho dân vất vả vì sự sống; 6. Tướng suý chống đối nhau, thì quân lấy gì để thắng” (23). Ta còn biết thêm tình hình qua tờ tấu tập thể của 6 viên đô cấp sự trung trong 6 khoa vào năm Tân Tỵ (1581): “Hiện nay thời sự gian nguy, có những điều đáng lo: kỷ cương rối loạn, chính sự hững hờ, hình ngục oan uổng, pháp lệnh sai lầm, tướng chưa hoà hợp, binh chưa tề (...). Khốn nỗi vua tôi trên dưới cứ vui chơi ngạo nghễ, cứ hơn hơn tự cho là thái bình vô sự...”. Cũng trong năm 1581, Thiêm đô ngự sử Lại Mẫn dâng sớ tâu: “Sự thế hiện nay chính là thời kỳ cực bĩ. Kỷ cương bỏ bê mà không chấn hưng, chính sự rối nát mà không tu sửa; trộm cướp hoành hành, giặc mạnh (chỉ quân Trịnh - TG chú) xâm lấn; lòng người nao núng, thế nước lung lay...” (25). Cũng trong năm này Thiếu bảo Giáp Trưng dâng sớ có đoạn: “Hiện nay giặc già chưa yên, quân địch nặng nề, cả đến việc thu thuế và cho dân vay thóc cũng rất phiền phức, sớm mới buông tha chiều đã thôi thúc, suốt năm không ngày nào yên (...). Ngoài ra còn có

khi tăng gấp đôi số thuế đã định, làm cho dân phải khánh kiệt phá sản. Dân tình ngao ngán, không còn muốn sống" (26). Ngoài ra còn có số tấu của Hộ bộ Thượng thư Đặng Vô Cảnh, Lại bộ Hữu thị lang kiêm Đông các đại học sĩ Đạo Phái bá Nguyễn Năng Nhuận và một số người khác cũng có nội dung tương tự. Số dâng lên Mạc Mậu Hợp cho là phải, nhưng đều không có biện pháp chấn chỉnh sửa chữa.

Rõ ràng rằng vương triều Mạc sau bước khởi sắc ban đầu, từ Mạc Phúc Nguyên trở đi lại sa vào vết xe đổ của thời Lê sơ buổi suy tàn: Mâu thuẫn nội bộ, vua tôi chia lìa, chính sự đổ nát, quan lại tha hoá, lòng dân ngao ngán. Nội tình như vậy làm sao còn giữ được lòng dân; một khi đã mất dân thì đất cũng không giữ nổi. Trước sự tấn công ngày càng mãnh liệt của tập đoàn Lê - Trịnh sự thất bại của vương triều Mạc là điều không tránh khỏi.

CUỘC NỘI CHIẾN TRONG TIẾN TRÌNH VẬN ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ - XÃ HỘI

Chiến tranh tất yếu đem lại chết chóc, huỷ hoại, đổ nát. Cuộc nội chiến giữa hai tập đoàn phong kiến kéo dài với khoảng 40 trận giao tranh lớn nhỏ đã gây nên nhiều thiệt hại cho dân cho nước. Tình trạng ly loạn, chết chóc, phiêu tán ở cả hai vùng địa bàn Nam Bắc triều sử sách có ghi chép như chúng tôi đã dẫn. Tuy nhiên cũng cần nhìn nhận trong giới hạn của chiến tranh thời Trung cổ sức tàn phá của nội chiến không phải đã khốc liệt lắm. Và lại cuộc chiến cũng không phải đã diễn ra mọi lúc mọi chỗ. Từ diễn biến chiến trường do sử chép có thể hình dung mức độ phá huỷ của nội chiến không phải đã diễn ra triền miên trong hơn nửa thế kỷ, mà chỉ diễn ra ở một số vùng trong một thời gian nhất định. Mức độ tàn phá cũng chỉ xảy ra nghiêm trọng ở

các trung tâm thuộc mục tiêu tấn công của cả hai phía.

Nói một cách khác, trong hơn một nửa thế kỷ nội chiến trên phạm vi từ Nghệ - Tĩnh trở ra Bắc, trừ những lúc những nơi xảy ra chiến trận, còn lại nơi khác, đặc biệt vùng Thuận - Quảng, cuộc sống vẫn diễn ra với nhịp điệu bình thường của cộng đồng cư dân nông nghiệp lệ thuộc vào thiên nhiên là chủ yếu. Đã vậy, để tiến hành nội chiến dai dẳng, cả hai phía, đặc biệt là Lê - Trịnh, đều phải dựa vào dân, tranh thủ lòng dân cả trong phạm vi kiểm soát của đối phương, do đó cũng phải hạn chế mức độ tàn phá. Điều này được thể hiện trong trường hợp tập đoàn Lê - Trịnh tấn công Mạc vào các năm 1559, 1592. Đó là cơ sở để cho xã hội còn có điều kiện phát triển ở thế kỷ XVI.

Tiếc rằng sử sách cung cấp quá ít thông tin về các mặt sinh hoạt của xã hội. Ngoài chiến sự hầu như sử chỉ còn ghi những năm xảy ra thiên tai, mất mùa, đói kém. May mắn còn có một nguồn tư liệu viết đương thời đáng tin cậy cung cấp cho chúng ta một số thông tin cần thiết, nhưng cũng phiến diện và chỉ dừng lại ở phạm vi Bắc triều. Đó là văn bia Mạc được Viện Hán Nôm công bố (27). Ngoài ra còn được bổ sung thêm chút ít từ nguồn di tích, cổ vật có niên đại thời Mạc.

Trước hết văn bia cho ta biết hoạt động trùng tu, tôn tạo xây dựng chùa quán, cầu cống đã diễn ra mạnh mẽ với nhịp điệu ngày càng tăng vào thời Mạc. Trong số 148 văn bia được biết, các vụ việc trên xảy ra vào những thập niên 30, 40 của thế kỷ XVI đến 11 lần, thập niên 60 có 19 lần, thập niên 70 có 28 lần. Đặc biệt vào thập niên 80 có 58 lần, riêng 2 năm cuối của vương triều Mạc (1591-1592) diễn ra 13 lần. Hoạt động trên được phân bố

không đồng đều ở các vùng trước đây như Hải Hưng: 42, Hà Tây: 24, Hải Phòng: 23, Ninh Bình: 13, Hà Bắc: 11, Vĩnh Phú: 10, Tuyên Quang: 1 (28).

Số liệu trên chưa phải đã phản ánh đầy đủ sự thực, bởi lẽ mới chỉ căn cứ vào số văn bia còn lưu giữ được, hẳn còn bị mất mát, thất lạc hoặc chưa phát hiện. Mặc dù vậy, trên đại thể số liệu trên cũng cho ta hình dung hoạt động tôn giáo tín ngưỡng phát triển ở thời Mạc với nhịp độ mạnh, ngay cả ở những vùng thường xảy ra chiến trận như Hà Tây, Ninh Bình, Nam Hà, Hải Hưng.

Nếu như nguồn văn bia cùng với nguồn thư tịch về giáo dục khoa cử phản ánh sự phát triển, mở mang của hoạt động văn hoá tinh thần thì từ nguồn di tích, di vật hiếm hoi cùng thư tịch lại cho ta biết có sự phát triển nhất định của công thương nghiệp như nhiều nhà nghiên cứu đã nhìn nhận (29).

Từ những điều đã trình bày, rõ ràng cuộc nội chiến có gây nhiều đổ vỡ, tổn thất, nhưng không chặn đứng được quá trình phát triển của xã hội. Mấu chốt của vấn đề xuất phát từ ruộng đất. Thật vậy, lịch sử đã ghi nhận sự xác lập và phát triển của chế độ phong kiến cùng với sự tăng trưởng của ruộng đất tư ở thế kỷ XV, XVI. Đó là xu thế đi lên của xã hội không gì ngăn cản nổi. Cùng với việc mở rộng ruộng đất tư, tầng lớp chủ ruộng các loại xuất hiện đông đảo gắn với cộng đồng, biến làng xã thành một đơn vị độc lập tương đối, có "tiểu triều đình" của nó, vận hành theo tục lệ kết hợp cùng chiều với luật nước. Sự phát triển của ruộng đất tư tất yếu đã kích thích việc khai thác nguồn lợi của ruộng đất vốn là nền tảng của quốc gia lấy nông nghiệp làm gốc, theo đó công thương nghiệp cũng có điều kiện mở mang.

Sinh hoạt vật chất, tinh thần của xã hội thăng trầm tùy thuộc vào sản xuất nông nghiệp từ cộng đồng làng xã mà nhà nước quân chủ chỉ lợi dụng, khó bề can thiệp. Quản lý ruộng đất để thu thuế, duy trì ruộng đất công là việc làm của nhà nước, nhưng mua bán, canh tác, chuyển nhượng ruộng đất, chấp chiếm ruộng công lại là việc của dân. Khoa cử là của triều đình chủ trương nhưng hưởng ứng học hành thi cử lại thuộc về dân. Cũng như lấy hệ tư tưởng Nho làm chính thống là của tập đoàn phong kiến cầm quyền nhưng đặt niềm tin vào Phật, Đạo lại là xu hướng chung của toàn xã hội, trong đó có cả vua quan. Xu hướng này thể hiện rõ nhất ở mặt sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo. Qua văn bia ta biết được từ nhà vua, hoàng hậu, đại thần, vương tôn, công tử đều tham gia trùng tu, tôn tạo chùa quán. Bia tạo dựng chùa Thiên Phúc ở Hoà Niếu, Kiến Thụy, Hải Phòng năm Quang Bảo thứ 9 (1562) có đến 30 vị từ thái hoàng thái hậu, công chúa cho đến các vương, hầu, bá tham gia. Nhà vua xuất tiền kho cung tiến cho việc trùng tu chùa Linh Cảm, xã Long Khám, huyện Tiên Sơn vào năm 1557. Khiêm vương phụ chính đại thần Mạc Kính Điển ban lệnh và cung tiến vào việc tôn tạo chùa Sùng Quang năm 1578. Phụ chính Ứng vương Mạc Đôn Nhượng cùng thái hoàng thái hậu dựng lại chùa Viên Quang xã Hậu Bồng, huyện Gia Lộc, Hải Dương vào năm 1579 (30).

Sự gặp gỡ giữa tầng lớp cầm quyền với nhân dân trong sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo, trong đời sống tâm linh thời này trước hết phản ánh tâm lý khủng hoảng, mất niềm tin ở thực tại, ở tín điều của Nho giáo. Mặt khác điều đó cũng phản ánh sự cởi mở, đồng thời là chất men kích thích, góp phần duy trì bước phát triển khách quan của một

xã hội nông nghiệp đang nghiêng ngả trong vòng xoáy của cuộc nội chiến diễn ra vào thế kỷ XVI.

*

Cho đến thế kỷ XV trong lịch sử chưa có tiền lệ về một cuộc nội chiến xảy ra mỗi khi có sự thay đổi vương triều. Từ Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ không phải không có phản ứng quyết liệt của vương triều bị thay thế và ý thức bảo vệ quyền lực của vương triều mới. Việc thủ tiêu quý tộc Lý do Trần Thủ Độ cài bẫy ở Hoa Lâm, Đông Ngàn, Bắc Ninh xưa, vụ Hồ Quý Ly sát hại quan lại, vương hầu quý tộc Trần ở hội thề Đốn Sơn, Vĩnh Lộc Thanh Hoá là bằng chứng. Mâu thuẫn một mất một còn là thế, nhưng cũng chưa dẫn đến nội chiến. Đó là tình hình các thế kỷ X - XIV, khi chế độ phong kiến đang trên con đường hình thành và xác lập. Sang thế kỷ XV, chế độ phong kiến quân chủ trung ương tập quyền mô hình phương Đông với sự độc tôn của Nho giáo đã được xác lập vững vàng. Giai cấp địa chủ phát triển, hình thành các tập đoàn/dòng họ lớn mạnh, có thế lực, tập hợp chung quanh vương triều Lê sơ.

Bước sang thế kỷ XVI khi vương triều Lê sơ suy sụp, tập đoàn Mạc thay thế, nội chiến đã xảy ra chung quanh việc tranh giành quyền lực. Mạc với thế mạnh của tập đoàn đã nắm trong tay bộ máy nhà nước.

Tập đoàn Lê tuy đã bị loại khỏi chính trường nhưng với cơ sở xã hội và dư uy của một thời hoàng kim trong giữ nước và dựng nước hồi thế kỷ XV đã hồi phục và tập hợp được lực lượng. Vẫn là vấn đề quyền lực.

CHÚ THÍCH

(1). Họ Nguyễn đến Nguyễn Kim là đời thứ 5 nối nhau làm quan võ cao cấp thời Lê sơ: Nguyễn

Đằng sau quyền lực là “có cả thiên hạ” với đế vị chí tôn và của cải lợi lộc vô hạn. Trong cuộc tranh giành một mất một còn vì quyền lực, lợi ích của các tập đoàn phong kiến, tập đoàn Mạc đi theo vết xe đổ của vương triều Lê sơ dẫn đến bị thất bại trước thế lực ngày càng lớn mạnh của tập đoàn Lê - Trịnh.

Cuộc nội chiến đã đem lại nhiều đổ vỡ, chết chóc, đau thương cho dân cho nước. Mặc dù có Nam triều, Bắc triều nhưng chưa có ranh giới cụ thể cho việc chia cắt lãnh thổ. Trong phạm vi quản lý của mình cả hai tập đoàn không làm được gì nhiều cho dân, đặc biệt là Nam triều. Tuy vậy, nhân dân - chủ nhân đích thực của đất nước, với truyền thống cần cù vẫn một mặt chịu đựng mọi nỗi thống khổ của nội chiến do các tập đoàn phong kiến gây ra, mặt khác vẫn lao động sáng tạo để duy trì cuộc sống trong xóm làng, đưa đất nước phát triển tiến lên.

Tập đoàn Lê - Trịnh tuy đã giành được thắng lợi nhưng mâu thuẫn nội bộ đã phát sinh từ khi họ Trịnh tham chính dẫn đến việc Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá năm 1558 và việc Trịnh Tùng giết Lê Duy Bang (vua Lê Anh Tông), dựng Lê Duy Đàm (vua Lê Thế Tông) lên ngôi vào năm 1572. Trong khi đó tập đoàn Mạc tuy bị thất bại nhưng chưa phải đã tuyệt diệt.

Với thắng lợi của tập đoàn Lê - Trịnh đất nước vẫn chưa yên. Cuộc chiến giành quyền lực của các tập đoàn phong kiến sẽ lại tiếp tục nổ ra với một bình diện rộng lớn hơn, trong bối cảnh mới của các thế kỷ XVII - XVIII mà chúng tôi hy vọng sẽ có dịp đề cập tới.

Công Duẩn, Phụng thân vệ tướng quân, Thái bảo Hoàng Quốc công; Nguyễn Đức Trung, Đô đốc

Trình Quốc công; Nguyễn Văn Lãng, Thủy quân vệ chỉ huy sứ, Thái úy Vệ Quốc công; Nguyễn Hoàng Dụ, Đô đốc An Hoà hầu; Nguyễn Kim, Hữu vệ tướng quân, An Thành hầu.

(2). Duy Ninh là con của Lê Chiêu Tông và ngọc nữ Ngọc Quỳnh, chất Lê Thánh Tông, từng trốn tránh ở Thái Bình. Khi Lê Chiêu Tông bị Mạc Đăng Dung bắt về triều, Ngọc Quỳnh đem con chạy trốn về quê ngoại ở sách Cao Tri, Ngọc Lạc, Thanh Hoá. Năm 1553 Nguyễn Kim tìm được Duy Ninh, tục gọi là chúa Chúa Chổm, ở huyện Thụy Nguyên, Thọ Xuân, Thanh Hoá ngày nay.

(3). Lê Văn Hoè. *Thân oan cho Mạc Đăng Dung*. Quốc học thư xã - 1952.

- Viện Sử học - Nhiều tác giả. *Vương triều Mạc (1527-1592)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

- Nhiều tác giả. *Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc*. Hội Sử học Hải Phòng, 2000.

- Đinh Khắc Thuân. *Lịch sử vương triều Mạc qua thư tịch và văn bia*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001...

(4). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Cương mục)*, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 85.

(5). *Đại Việt sử ký toàn thư (Toàn thư)*, tập III. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 108. *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập III. *Đại Việt thông sử*. Nxb. Khoa học xã hội, 1978, tr. 254.

(6). Theo lời chua sách *Cương mục*, tập II, sđd, tr. 95-96.

(7). Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập V, phần "Thơ văn thời Mạc", Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.

(8). *Cương mục*, tập II, sđd, tr. 94-96.

(9). *Toàn thư*, sđd, tập III, tr. 110. *Cương mục*, tập II, sđd, tr. 108.

(10). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, *Nhân vật chí*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 410-412.

(11). Đây là mưu của Mạc Phúc Hải sai Dương Cháp Nhất đầu hàng. 3 năm sau, vào năm 1545 Dương Cháp Nhất đầu độc giết chết Nguyễn Kim ở quân doanh trong dịp Nguyễn Kim rước Lê Trang Tông đi đánh Sơn Nam.

(12). Theo *Toàn thư*, *Cương mục*, sđd. Tham khảo thêm *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, sđd.

(13), (14). *Cương mục*, tập II, sđd, tr. 152, 174.

(15), (16), (17). *Toàn thư*, tập III, sđd, tr. 156, 111-112, 115.

(18). Lê Quý Đôn. *Đại Việt thông sử*, sđd, tr. 280.

(19). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, *Khoa mục chí*. Nxb Khoa học xã hội, 1992, tr. 215.

(20). Lê Quý Đôn. *Đại Việt thông sử*, sđd, tr. 283-287.

(21), (22), (23), (24), (25), (26). Lê Quý Đôn. *Đại Việt thông sử*, sđd, tr. 290-292, 300, 324-325, 328, 329, 331-332.

(27). Viện Hán Nôm. Tác giả Đinh Khắc Thuân. *Văn bia thời Mạc*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

(28). Số liệu rút ra từ *Văn bia thời Mạc*, sđd.

(29). Tham khảo Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Quang Ngọc. *Gốm Bát Tràng thế kỷ XIV-XV*. Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 1995; Bùi Văn Vương. *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1998; Nguyễn Đức Huệ. *Vài nét về công thương nghiệp thời Mạc*; Đặng Kim Ngọc. *Một số biện pháp của nhà Mạc trong việc xây dựng đất nước* trong sách *Vương triều Mạc (1527-1592)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996...

(30). Theo văn bia thời Mạc, sđd.